



**SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE**

**MILINDAPAÑHAPĀḶI**

**&**

**MILINDA VẤN ĐẠO**

### 3. MACCUBHĀYANĀBHĀYANAPAÑHO

1. “**Bhante nāgasena bhāsitampetaṃ bhagavatā: ‘Sabbe tasanti daṇḍassa sabbe bhāyanti maccuno** ’ti. Puna ca bhaṇitaṃ: ‘**Arahā sabbabhayamatikkanto** ’ti. Kinu kho bhante nāgasena arahā sabbadaṇḍabhayā nattasati?<sup>1</sup> Niraye vā nerayikā sattā jalitā kuthitā tattā santattā tamhā jalitaggijālakā mahānirayā cavamānā maccuno bhāyantī ’ti? Yadi bhante nāgasena bhagavatā bhaṇitaṃ: ‘**Sabbe tasanti daṇḍassa sabbe bhāyanti maccuno** ’ti, tena hi ‘**arahā sabbabhayamatikkanto** ’ti yaṃ vacanaṃ, taṃ micchā. Yadi bhagavatā bhaṇitaṃ: ‘**Arahā sabbabhayamatikkanto** ’ti, tena hi ‘**sabbe tasanti daṇḍassa sabbe bhāyanti maccuno** ’ti tampi vacanaṃ micchā. Ayampi ubhatokoṭiko pañho tavānuppatto. So tayā nibbāhitabbo ”ti.

“Netam mahārāja vacanaṃ bhagavatā arahante upādāya bhaṇitaṃ: ‘**Sabbe tasanti daṇḍassa sabbe bhāyanti maccuno** ’ti. Ṭhapitā arahanto<sup>2</sup> tasmim vatthusmim. Samūhato bhayahetu arahantehi.<sup>3</sup> Ye te mahārāja sattā sakkilesā, yesañca adhimattā attānudiṭṭhi, ye ca sukha-dukkhesu unnatāvanatā, te upādāya bhagavatā bhaṇitaṃ: ‘**Sabbe tasanti daṇḍassa sabbe bhāyanti maccuno** ’ti. Arahato mahārāja sabbagati upacchinnā, yoni viddhamsitā, paṭisandhi upahatā, bhaggā ca phāsukā, samūhatā sabbabhavahetuyo,<sup>4</sup> samucchinnā sabbasaṅkhārā,<sup>5</sup> hatā kusalā ca akusalā,<sup>6</sup> vihatā avijjā, abījaṃ viññāṇaṃ kataṃ, daḍḍhā sabbakilesā, ativattā lokadhammā.<sup>7</sup> Tasmā arahā na santasati sabbabhayehi. Idha mahārāja rañño cattāro mahāmattā bhavyeyyaṃ, anurattā<sup>8</sup> laddhayasā vissāsikā ṭhapitā mahati issariyaṭṭhāne. Atha rājā kismici<sup>9</sup> karaṇīye samuppanne yāvata sakavijite janā, sabbe te āṇāpeyya:<sup>10</sup> ‘Sabbeva me baliṃ karontu, sodhetha<sup>11</sup> tumhe cattāro mahāmattā taṃ karaṇīyaṃ ’ti. Api nu kho mahārāja tesam catunnaṃ mahāmattānaṃ balibhayā santāso uppajjeyyā ”ti?

“Na hi bhante ”ti.

“Kena kāraṇena mahārājā ”ti?

“Ṭhapitā te bhante raññā uttame ṭhāne. Natthi tesam bali. Samatikkantabalino te. Avasese upādāya raññā āṇāpitaṃ: ‘Sabbeva me baliṃ karontū ”ti.

<sup>1</sup> daṇḍabhayā tasati - Ma, PTS.

<sup>2</sup> ṭhapito arahā - Ma, PTS.

<sup>3</sup> arahato - Ma, PTS.

<sup>4</sup> sabbabhavālayā - Ma, PTS.

<sup>5</sup> appavattā saṅkhārā - Sīmu.

<sup>6</sup> hatam kusalākusalam - Ma, PTS.

<sup>7</sup> lokadhammesu - Sīmu.

<sup>8</sup> anurakkhā - Ma.

<sup>9</sup> kismiñci - Ma.

<sup>10</sup> sakavijite sabbajanassa āṇāpeyya - Ma, PTS, Sīmu.

<sup>11</sup> sādhettha - Ma, PTS.

### 3. CÂU HỎI VỀ VIỆC SỢ HÃI HAY KHÔNG SỢ HÃI SỰ CHẾT:

1. “Thưa ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **‘Tất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết,’** và thêm nữa đã được nói rằng: **‘Vị A-la-hán đã vượt qua mọi sự sợ hãi.’** Thưa ngài Nāgasena, phải chăng vị A-la-hán không run sợ đối với mọi sự sợ hãi về hình phạt? Hay là các chúng sanh địa ngục bị đốt cháy, bị đun sôi, bị đốt nóng, bị đun nóng ở địa ngục, trong khi đang chết từ đại địa ngục có màng lưới lửa cháy rực ấy, mới sợ hãi sự chết? Thưa ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: **‘Tất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết,’** như thế thì lời nói rằng **‘Vị A-la-hán đã vượt qua mọi sự sợ hãi’** là sai trái. Nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: **‘Vị A-la-hán đã vượt qua mọi sự sợ hãi,’** như thế thì lời nói rằng: **‘Tất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết’** cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho ngài. Nó nên được giải quyết bởi ngài.”

“Tâu đại vương, lời nói này đã được nói bởi đức Thế Tôn: **‘Tất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết’** là không liên quan đến các vị A-la-hán. Các vị A-la-hán là ngoại lệ trong sự việc này. Nhân gây sợ hãi đã được các vị A-la-hán trừ diệt. Tâu đại vương, những chúng sanh nào có phiền não, có tà kiến về bản ngã quá lớn, tính khí thẳng trâm theo lạc và khổ, điều đã được nói bởi đức Thế Tôn: **‘Tất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết’** là liên quan đến những người ấy. Tâu đại vương, đối với vị A-la-hán tất cả cảnh giới tái sanh đã bị chặt đứt, nguồn sản xuất đã bị tiêu hoại, sự nối liền với việc tái sanh đã bị hủy diệt, khung sườn đã bị phá vỡ, tất cả các điều kiện của hữu đã bị tiêu hủy, tất cả các hành đã bị cắt đứt hoàn toàn, thiện và bất thiện đã bị thủ tiêu, vô minh đã bị tiêu tan, thức không còn chủng tử đã được tạo lập, tất cả phiền não đã được đốt cháy, các pháp thế gian đã được vượt lên; vì thế vị A-la-hán không run sợ đối với tất cả các nỗi sợ hãi. Tâu đại vương, ở đây bốn vị quan đại thần của đức vua là trung thành, đã đạt danh tiếng, được tin cậy, được phong tước vị có quyền hành lớn lao. Rồi vào lúc có sự việc cần làm nào đó sanh khởi, đức vua ra lệnh đến tất cả dân chúng ở trong lãnh địa của mình rằng: ‘Hết thảy tất cả hãy nộp thuế cho trẫm. Các khanh, bốn quan đại thần, hãy hoàn thành sự việc cần làm ấy.’ Tâu đại vương, phải chăng sự run sợ do nỗi sợ hãi về thuế có thể sanh khởi cho bốn vị quan đại thần ấy?”

“Thưa ngài, không đúng.”

“Tâu đại vương, vì lý do gì?”

“Thưa ngài, bốn người ấy đã được đức vua phong tước vị tối cao. Không có thuế má đối với họ. Họ vượt qua khỏi các loại thuế má. Điều đã được đức vua ra lệnh: ‘Hết thảy tất cả hãy nộp thuế cho trẫm’ là liên quan đến những người còn lại.”

“Evameva kho mahārāja netam vacanam bhagavatā arahante upādāya bhaṇitam, ṭhapito arahā tasmim vatthusmim, samūhato bhayahetu arahato; ye te mahārāja sattā sakkilesā, yesaṅca adhimattā attānudiṭṭhi, ye ca sukha-dukkhesu unnatāvanatā, te upādāya bhagavatā bhaṇitam: **‘Sabbe tasanti daṇḍassa sabbe bhāyanti maccuno’**ti. Tasmā arahā nattasati sabbabhayehi”ti.

“Netam bhante nāgasena vacanam sāvasesam. Niravasesavacanametam ‘sabbe’ti. Tattha me uttarim kāraṇam brūhi tam vacanam patiṭṭhāpetun”ti.

“Idha mahārāja gāme gāmasāmiko āṇāpakam āṇāpeyya: ‘Ehi bho āṇāpaka yāvata gāme gāmikā te sabbe sīgham mama santike sannipātehi’ti. So ‘sādhu sāmī’ti sampaṭicchitvā gāmamajjhe ṭhatvā tikkhattum saddamanussāveyya: ‘Yāvata gāme gāmikā te sabbe sīghasīgham sāmīno santike santipatantū’ti. Tato gāmikā āṇāpakassa vacanena turitaturitā sannipatitvā gāmasāmikassa ārocenti: ‘Sannipatitā sāmī sabbe gāmikā. Yam te karaṇiyam, tam karohi’ti. Iti so mahārāja gāmasāmiko kuṭipurise<sup>1</sup> sannipātento sabbe gāmike āṇāpeti, te ca āṇattā na sabbe sannipatanti, kuṭipurisā yeva sannipatanti, ‘Ettakā yeva me gāmikā’ti gāmasāmiko ca tathā sampaṭicchati. Aññe bahutarā anāgatā, itthipurisā dāsīdāsā bhatakā kammakarā gamikagilānā gomahisā ajelakā suvānā, ye anāgatā sabbe te aṅaṇitā kuṭipuriseyeva upādāya āṇāpitattā: ‘Sabbe santipatantū’ti. Evameva kho mahārāja netam vacanam bhagavatā arahante upādāya bhaṇitam. Ṭhapito arahā tasmim vatthusmim, samūhato bhayahetu arahato. Ye te mahārāja sattā sakkilesā, yesaṅca adhimattā attānudiṭṭhi, ye ca sukha-dukkhesu unnatāvanatā, te upādāya bhagavatā bhaṇitam: **‘Sabbe tasanti daṇḍassa sabbe bhāyanti maccuno’**ti. Tasmā arahā nattasati sabbabhayehi.

Atthi mahārāja sāvasesam vacanam sāvaseso attho. Atthi sāvasesam vacanam niravaseso attho. Atthi niravasesam vacanam sāvaseso attho. Atthi niravasesam vacanam niravaseso attho. Tena tena attho sampaṭicchitabbo.

Pañcavidhena mahārāja attho<sup>2</sup> sampaṭicchitabbo: āhacca padena, rasena, ācariyavaṃsena, adhippāyena, kāraṇuttariyatāya. Ettha hi: **Āhaccapadan**’ti suttaṃ adhippetam. **Raso**’ti suttānulomaṃ. **Ācariyavaṃso**’ti ācariyavādo. **Adhippāyo**’ti attano mati. **Kāraṇuttariyatā**’ti imehi catūhi sametaṃ<sup>3</sup> kāraṇam. Imehi kho mahārāja pañcahi kāraṇehi attho sampaṭicchitabbo. Evameva so<sup>4</sup> pañho suvinicchito hoti”ti.

<sup>1</sup> koṭike purise - kesuci potthakesu.

<sup>2</sup> pañcavidhehi mahārāja kāraṇehi - Ma.

<sup>3</sup> samentaṃ - Ma, PTS.

<sup>4</sup> evameso - Ma, PTS.

“Tâu đại vương, tương tự y như thế lời nói này đã được nói bởi đức Thế Tôn là không liên quan đến các vị A-la-hán. Các vị A-la-hán là ngoại lệ trong sự việc này. Nhân gây sợ hãi đã được các vị A-la-hán trừ diệt. Tâu đại vương, những chúng sanh nào có phiền não, có tà kiến về bản ngã quá lỗ, tính khí thẳng trâm theo lạc và khổ, điều đã được nói bởi đức Thế Tôn: **‘Tất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết’** là liên quan đến những người ấy. Do đó, vị A-la-hán không run sợ đối với tất cả các nỗi sợ hãi.”

“Thưa ngài Nāgasena, lời nói ấy không bao gồm phần còn lại, lời nói ‘tất cả’ ấy là trừ ra phần còn lại. Xin ngài hãy nói thêm về lý do của trường hợp này cho trâm để xác định lời nói ấy.”

“Tâu đại vương, ở đây người trưởng làng ở ngôi làng có thể ra lệnh cho viên mõ làng rằng: ‘Này ông mõ làng, hết thảy tất cả dân làng ở trong làng hãy mau chóng tụ tập lại trước mặt tôi.’ Người ấy sau khi nhận lệnh rằng: ‘Tốt lắm, thưa trưởng làng,’ đã đứng ở giữa làng thông báo ba lần rằng: ‘Hết thảy tất cả dân làng ở trong làng hãy mau mau tụ tập lại trước mặt trưởng làng.’ Sau đó, do lời nói của viên mõ làng, các dân làng đã cấp tốc tụ tập lại rồi báo cho ông trưởng làng rằng: ‘Thưa trưởng làng, tất cả dân làng đã tụ tập lại. Ngài có việc gì cần làm, xin hãy tiến hành điều ấy.’ Tâu đại vương, người trưởng làng ấy, trong khi bảo những người chủ chốt tụ tập lại, thì ra lệnh cho tất cả dân làng như thế, và những người ấy đều được ra lệnh nhưng không phải tất cả đều tụ tập lại, chỉ có những người chủ chốt tụ tập lại. Và người trưởng làng chấp nhận như thế: ‘Chỉ bấy nhiêu là dân làng của tôi.’ Những người khác đã không đến là nhiều hơn: đàn bà, đàn ông, tứ gái, tôi nam, người làm thuê, nhân công, khách lữ hành, người bệnh, bò, trâu, dê, cừu, chó; tất cả những ai không đến đều không tính. Điều đã được ra lệnh: ‘Tất cả hãy tụ tập lại’ chỉ liên quan đến những người chủ chốt. Tâu đại vương, tương tự y như thế lời nói này đã được nói bởi đức Thế Tôn là không liên quan đến các vị A-la-hán. Các vị A-la-hán là ngoại lệ trong sự việc này. Nhân gây sợ hãi đã được các vị A-la-hán trừ diệt. Tâu đại vương, những chúng sanh nào có phiền não, có tà kiến về bản ngã quá lỗ, tính khí thẳng trâm theo lạc và khổ, điều đã được nói bởi đức Thế Tôn: **‘Tất cả run sợ hình phạt, tất cả sợ hãi sự chết’** là liên quan đến những người ấy. Do đó, vị A-la-hán không run sợ đối với tất cả các nỗi sợ hãi.

Tâu đại vương, có lời nói thiếu sót với ý nghĩa thiếu sót, có lời nói thiếu sót với ý nghĩa không thiếu sót, có lời nói không thiếu sót với ý nghĩa thiếu sót, có lời nói không thiếu sót với ý nghĩa không thiếu sót. Ý nghĩa nên được tiếp thu theo từng trường hợp một.

Tâu đại vương, ý nghĩa nên được tiếp thu theo năm cách: theo đoạn văn trích dẫn, theo nghĩa chính yếu, theo truyền thống của vị thầy, theo ý định, theo tính chất vượt trên lý do. Chính ở đây, **‘đoạn văn trích dẫn’** là đoạn Kinh thích hợp, **‘nghĩa chính yếu’** là phù hợp với Kinh, **‘truyền thống của vị thầy’** là học thuyết của vị thầy, **‘ý định’** là quan niệm của bản thân, **‘tính chất vượt trên lý do’** là lý do đã được tổng hợp từ bốn cách này. Tâu đại vương, ý nghĩa nên được tiếp thu theo năm lý do này. Câu hỏi ấy nên được quyết định một cách khéo léo đúng y như thế.”

2. “Hotu bhante nāgasena, tathā taṃ sampaṭicchāmi. Ṭhapito hotu arahā tasmiṃ vatthusmiṃ. Tasantu avasesā sattā. Niraye pana nerayikā sattā dukkhā tippā kaṭukā vedanā vediyamānā jalitapajjalitasabbaṅgapaccaṅgā ruṇṇakāruṇṇakanditaparidevitalālappitamukhā asayhatibbadukkhābhībhitā atāṇā asaraṇā asaraṇibhūtā anappasokāturā antimapacchimāgatikā ekanta-sokaparāyaṇā uṇhatikhiṇacaṇḍakharatapanatejavantā bhīmabhayaajanaka-ninnādamahāsaddā saṃsibbitachabbidhajālāmālāsamākulā samantā satayojanānuppharaṇaccivegā kadariyā tapanā mahānirayā vacamānā maccuno bhāyanti”ti.<sup>1</sup>

“Nanu bhante nāgasena nirayo ekantadukkhavedaniyo? Kissa pana te nerayikā sattā ekantadukkhavedaniyā nirayā cavamānā maccuno bhāyanti? Kissa niraye ramanti”ti?

“Na te mahārāja nerayikā sattā niraye ramanti muccitukāmā ’va te nirayā. Maraṇasseso<sup>2</sup> mahārāja ānubhāvo yena tesam santāso uppajjati”ti.

“Etaṃ kho bhante nāgasena na saddahāmi yaṃ muccitukāmānaṃ cutiyā santāso uppajjati ’ti. Hāsaniyaṃ bhante nāgasena taṃ ṭhānaṃ yaṃ te patthitaṃ labhanti. Kāraṇena maṃ saññāpehī”ti.

3. “Maraṇanti kho mahārāja etaṃ adiṭṭhasaccānaṃ tāsaniyaṭṭhānaṃ etthāyaṃ jano tasati ca ubbijjati ca. Yo ca mahārāja kaṇhasappassa bhāyati, so maraṇassa bhāyanto kaṇhasappassa bhāyati. Yo ca hatthissa bhāyati — pe— sīhassa, vyagghassa, dīpissa, acchassa, taracchassa, mahisassa, gavayassa, aggissa, udakassa, khāṇukassa, kaṇṭakassa bhāyati. Yo ca sattiya bhāyati, so maraṇassa bhāyanto sattiya bhāyati. Maraṇasseso<sup>1</sup> mahārāja sarasabhāvatejo<sup>3</sup> yaṃ sakkilesā<sup>4</sup> sattā maraṇassa tasanti bhāyanti, muccitukāmā ’pi mahārāja nerayikā sattā maraṇassa tasanti.<sup>5</sup>

Idha mahārāja purisassa kāye medo gaṇṭhi<sup>6</sup> uppajjeyya, so tena rogena dukkhito upaddavā parimuccitukāmo bhisakkaṃ sallakattaṃ āmantāpeyya, tassa so bhisakko<sup>7</sup> sallakatto sampaṭicchitvā tassa rogassa uddharaṇāya upakaraṇaṃ upaṭṭhāpeyya, satthakaṃ tikhiṇaṃ kareyya, dahanasalākā<sup>8</sup> aggimhi pakkhipeyya, khāralavaṇaṃ nisadāya piṃsāpeyya, api nu kho mahārāja tassa āturaṇassa tikhiṇasatthakacchedanena yamakasalākādahanena khāraloṇappavesanena tāso uppajjeyyā”ti?

“Āma bhante”ti.

<sup>1</sup> āma mahārājā ti - itipāṭho Ma, PTS potthakesu dissati.

<sup>2</sup> maraṇasseva so - Ma.

<sup>3</sup> sarasasabhāvatejo - Ma.

<sup>4</sup> tassa sarasasabhāvatejena sakilesā - Ma, PTS.

<sup>5</sup> tasanti bhāyanti - Ma, PTS

<sup>6</sup> vedanāviddhāgaṇṭhikā - kesuci.

<sup>7</sup> tassa vacaṇaṃ so bhisakko - Ma.

<sup>8</sup> yamakasalākā - Ma.

2. “Thưa ngài Nāgasena, hãy là như vậy, trăm chấp nhận điều ấy. Xem như các vị A-la-hán là ngoại lệ trong sự việc này, và các chúng sanh còn lại run sợ. Trái lại, các chúng sanh địa ngục ở nơi địa ngục, trong khi cảm nhận các thọ khổ, sắc bén, nhứt nhối, với tất cả các phần thân thể và tứ chi bị thiêu đốt, bị đốt cháy, với miệng khốc lóc, rên rỉ thấm thương, than vãn, van xin, bị nhận lãnh các nỗi khổ đau sắc bén không thể chịu đựng, không có sự bảo vệ, không nơi nương nhờ, ở tình trạng không có chốn nương nhờ, không ít sâu bệnh, có cảnh giới tái sinh tận sau cùng, chốn đến kế tiếp toàn là sâu muợn, có sự đốt cháy và chói sáng nóng bức, mãnh liệt, dữ tợn, và thô tháo, có các âm thanh ồn ào của tiếng gào thét gây ra sự khiếp đảm và sợ hãi, bị bao vây bởi màng lưới lửa sáu màu kết lại với nhau, với cường độ của ngọn lửa tỏa nóng đến một trăm do-tuần ở xung quanh, trong khi nói đến đại địa ngục cùng cực, nóng bức, có phải họ sợ hãi sự chết?”

“Tâu đại vương, đúng vậy.”

“Thưa ngài Nāgasena, phải chăng địa ngục là phải chịu cảm thọ toàn là khổ đau? Hơn nữa, tại sao các chúng sanh địa ngục phải chịu cảm thọ toàn là khổ đau lại sợ hãi sự chết trong khi lìa khỏi địa ngục? Ở địa ngục có cái gì mà họ thích thú?”

“Tâu đại vương, không phải các chúng sanh địa ngục ấy thích thú nơi địa ngục, chúng quả có mong muốn được giải thoát khỏi địa ngục. Tâu đại vương, điều ấy là oai lực của sự chết, vì điều ấy mà sự run sợ sanh khởi ở các chúng sanh ấy.”

“Thưa ngài Nāgasena, trăm không tin điều ấy là việc sự run sợ sự chết sanh khởi ở những người có mong muốn được giải thoát. Thưa ngài Nāgasena, việc những người ấy đạt được điều đã mong mỏi; sự kiện ấy nực cười. Xin ngài hãy làm cho trăm hiểu được lý do.”

3. “Tâu đại vương, cái ‘sự chết’ này là cơ sở đem lại sự run sợ cho những người chưa nhìn thấy Sự Thật; hạng người này run sợ và bị kích động về việc này. Tâu đại vương, và người nào sợ hãi rắn mãng xà, người ấy trong khi sợ hãi sự chết thì sợ hãi rắn mãng xà. Và người nào sợ hãi voi, —(như trên)— sợ hãi sư tử, hổ, báo, gấu, chó sói, trâu rừng, bò mộng, lửa, nước, chông, gai; và người nào sợ hãi gươm đao, người ấy trong khi sợ hãi sự chết thì sợ hãi gươm đao. Tâu đại vương, việc chúng sanh còn phiền não run sợ, sợ hãi sự chết, điều ấy là quyền lực của thực chất và bản thể của sự chết. Tâu đại vương, mặc dầu có mong muốn được giải thoát chúng sanh địa ngục cũng run sợ sự chết.

Tâu đại vương, ở đây có bệnh mỡ đóng cục sanh khởi ở thân thể của người đàn ông. Người ấy bị khổ sở vì căn bệnh ấy, có ước muốn được thoát khỏi hẳn cơn nguy kịch, nên cho mời người thầy thuốc phẫu thuật. Người thầy thuốc phẫu thuật, sau khi chấp nhận người ấy, sẽ đem lại dụng cụ để lấy đi căn bệnh ấy của người ấy, sẽ mài bén con dao mổ, sẽ đặt thanh dẹp cho việc đốt nóng ở ngọn lửa, sẽ cho nghiền nát chất kiềm và muối ở đá nghiền, tâu đại vương, phải chăng sự run sợ có thể sanh khởi ở người bệnh ấy do việc mổ xẻ bằng con dao bén, do việc đốt nóng bằng hai thanh dẹp, do việc đắp vào chất kiềm và muối?”

“Thưa ngài, đúng vậy.”

4. “Iti mahārāja tassa āturassa rogā muccitukāmassāpi vedanābhaya-santāso uppajjati. Evameva kho mahārāja nirayā muccitukāmānampi nerayikānaṃ sattānaṃ maraṇabhayā tāso uppajjati. Idha mahārāja puriso issarāparādhiko baddho saṅkhalikabandhanena gabbhe pakkhitto parimuccitukāmo assa, tamenāṃ so issaro mocetukāmo pakkosāpeyya. Api nu kho mahārāja tassa issarāparādhikassa purisassa ‘katadoso ahan ’ti jānantassa issaradassanena santāso uppajjeyyā ”ti?

“Āma bhante ”ti.

“Iti mahārāja tassa issarāparādhikassa purisassa muccitukāmassāpi issarabhayasantāso uppajjati. Evameva kho mahārāja nirayā parimuccitukāmānampi nerayikānaṃ maraṇabhayā santāso uppajjeyyā ”ti.

“Aparampi bhante uttarim kāraṇaṃ brūhi yenāhaṃ kāraṇena okappeyyan ”ti.

5. “Idha mahārāja puriso daṭṭhavisena āsivisena daṭṭho bhavye, so tena visavikārena pateyya uppateyya vaṭṭeyya pavaṭṭeyya, athaññataro puriso balavantena mantapadena taṃ daṭṭhaviṣaṃ āsiviṣaṃ ānetvā taṃ daṭṭhaviṣaṃ paccāvamāpeyya,<sup>1</sup> api nu kho mahārāja tassa visagatassa purisassa tasmim daṭṭhaviṣe sappe sotthihetu upagacchante santāso uppajjeyyā ”ti?

“Āma bhante ”ti.

“Iti mahārāja tathārūpe ahimhi sotthihetu ’pi upagacchante tassa santāso uppajjati. Evameva kho mahārāja nirayā parimuccitukāmānampi nerayikānaṃ sattānaṃ maraṇabhayā santāso uppajjati. Anitṭhaṃ mahārāja sabbasattānaṃ maraṇaṃ. Tasmā nerayikā sattā nirayā parimuccitukāmā ’pi maccuno bhāyantī ”ti.

“Sādhu bhante nāgasena evametaṃ tathā sampaṭicchāmī ”ti.

### **Maccubhāyanābhāyanapañho tatiyo.**

\*\*\*\*\*

<sup>1</sup> paccācamāpeyya - Ma, PTS; paccāvapāpeyya - kesuci.



4. “Tâu đại vương, như thế người bệnh ấy, mặc dầu có ước muốn được giải thoát khỏi căn bệnh, cũng có sự run sợ do nỗi sợ hãi về cảm thọ sanh khởi. Tâu đại vương, tương tự y như thế các chúng sanh địa ngục, mặc dầu có ước muốn được giải thoát khỏi địa ngục, cũng có sự run sợ do nỗi sợ hãi về sự chết sanh khởi. Tâu đại vương, ở đây có người là kẻ phạm tội đối với chủ nhân bị bắt, bị tống vào phòng giam với sự trói lại bằng sợi xích, có ước muốn được tự do. Chủ nhân ấy, có ý muốn trả tự do, bảo đưa người ấy đến, tâu đại vương, phải chăng sự run sợ do việc nhìn thấy chủ nhân sẽ sanh khởi ở người ấy, là kẻ phạm tội đối với chủ nhân, trong khi biết rằng: ‘Ta đã làm quấy?’”

“Thưa ngài, đúng vậy.”

“Tâu đại vương, như thế người ấy, là kẻ phạm tội đối với chủ nhân, mặc dầu có ước muốn được tự do, cũng có sự run sợ do nỗi sợ hãi chủ nhân sanh khởi. Tâu đại vương, tương tự y như thế đối với các người ở địa ngục, mặc dầu có ước muốn được giải thoát khỏi địa ngục, sự run sợ do nỗi sợ hãi về sự chết cũng sẽ sanh khởi ở nơi họ.”

“Thưa ngài, xin hãy nói về một lý do khác nữa, nhờ vào lý do ấy trầm có thể xác định niềm tin.”

5. “Tâu đại vương, ở đây có người nam bị cắn bởi rắn độc có nọc độc ở nanh. Do tác động của nọc độc ấy, người ấy ngã xuống, té lên, lăn qua, lăn lại. Khi ấy, có một người nam khác với câu bùa chú có năng lực đem lại con rắn độc có nọc độc ở nanh ấy, rồi cho hút ngược trở lại nọc độc ở nanh ấy, tâu đại vương đối với người nam bị nhiễm nọc độc ấy, khi con rắn có nọc độc ở nanh ấy đang tiến đến gần với nguyên nhân tốt lành, phải chăng nỗi run sợ có thể sanh khởi ở người ấy?”

“Thưa ngài, đúng vậy.”

“Tâu đại vương, ở hình thức tương tự như thế, trong khi con rắn đang tiến đến gần, mặc dầu với nguyên nhân tốt lành, nỗi run sợ cũng sanh khởi ở người ấy. Tâu đại vương, tương tự y như thế đối với các chúng sanh ở địa ngục, mặc dầu có ước muốn được giải thoát khỏi địa ngục, sự run sợ do nỗi sợ hãi về sự chết cũng sanh khởi nơi họ. Tâu đại vương, đối với tất cả chúng sanh sự chết là điều không được mong muốn. Do đó, các chúng sanh ở địa ngục, mặc dầu có ước muốn được giải thoát khỏi địa ngục, cũng sợ hãi về sự chết.”

“Thưa ngài Nāgasena, tốt lắm! Trầm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.”

**Câu hỏi về việc sợ hãi hay không sợ hãi sự chết là thứ ba.**

\*\*\*\*\*